

Biểu mẫu 05

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5

TRƯỜNG TIỂU HỌC MINH ĐẠO

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2022 – 2023

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	315	351	382	389	463
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Bộ GD-ĐT	Bộ GD-ĐT	Bộ GD-ĐT	Bộ GD-ĐT	Bộ GD-ĐT
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Qua sổ liên lạc, hợp phụ huynh - Học sinh học đủ 7 môn	- Qua sổ liên lạc, hợp phụ huynh - Học sinh học đủ 7 môn	- Qua sổ liên lạc, hợp phụ huynh - Học sinh học đủ 9 môn	- Qua sổ liên lạc, hợp phụ huynh - Học sinh học đủ 9 môn	- Qua sổ liên lạc, hợp phụ huynh - Học sinh học đủ 9 môn
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- CLB đội nhóm - Tham qua dã ngoại - Sinh hoạt đầu tuần	- CLB đội nhóm - Tham qua dã ngoại - Sinh hoạt đầu tuần	- CLB đội nhóm - Tham qua dã ngoại - Sinh hoạt đầu tuần	- CLB đội nhóm - Tham qua dã ngoại - Sinh hoạt đầu tuần	- CLB đội nhóm - Tham qua dã ngoại - Sinh hoạt đầu tuần
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	100% đạt loại trung bình trở lên	100% đạt loại trung bình trở lên	100% đạt loại trung bình trở lên	100% đạt loại trung bình trở lên	100% đạt loại trung bình trở lên
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Được lên lớp 2	Được lên lớp 3	Được lên lớp 4	Được lên lớp 5	Được hoàn thành chương trình bậc tiểu học

Quận 5, ngày 01 tháng 7 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Trương Diệu Thừa

Biểu mẫu 06

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5

TRƯỜNG TIỂU HỌC MINH ĐẠO

THÔNG BÁO**Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2022 – 2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1905	320	351	382	389	463
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1905	320	351	382	389	463
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
	Số học sinh chia theo các năng lực	1905	320	351	382	389	463
1	<i>Tốt</i> (tỷ lệ so với tổng số)	1902 99,8%	318 99,4%	350 99,7%	382 100%	389 100%	463 100%
2	<i>Đạt</i> (tỷ lệ so với tổng số)	3 0,5%	2 0,6%	1 0,3%	/	/	/
3	<i>Cần cố gắng</i> (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
	Số học sinh chia theo các phẩm chất	1905	320	351	382	389	463
1	<i>Tốt</i> (tỷ lệ so với tổng số)	1902 99,8%	319 99,7%	350 99,7%	382 100%	389 100%	463 100%
2	<i>Đạt</i> (tỷ lệ so với tổng số)	3 0,2%	1 0,3%	1 0,3%	1 0,30%	/	/
3	<i>Cần cố gắng</i> (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	1905	320	351	382	389	463
1	<i>Hoàn thành xuất sắc</i> (tỷ lệ so với tổng số)	925 48,6%	316 98,8%	331 94,3%	278 72,8%		

2	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>	912 47,9%		19 5,4%	69 18,1%	381 97,9%	443 95,7%
3	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>	68 3,5%	4 1,2%	1 0,3%	35 9,1%	8 2,1%	20 4,3%
4	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>	/	/	/	/	/	/
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	1905	320	351	382	389	463
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1905 100%	320 100%	351 100%	382 100%	389 100%	463 100%
a	<i>Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)</i>	1805 94,8%	316 98,8%	342 99,4%	347 90,8%	374 96,1%	426 92%
b	<i>HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)</i>	71 3,7%	4 1,25%	8 100%	7 9,2%	15 3,9%	37 8%
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/

Quận 5, ngày 01 tháng 7 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Trương Diệu Thừa

Biểu mẫu 07

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5

TRƯỜNG TIỂU HỌC MINH ĐẠO**THÔNG BÁO****Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2022 – 2023**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	53/50	1,5 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	53	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ, mượn		-
III	Số điểm trường lẻ	01	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	3911,7	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1417,8	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	2912	
2	Diện tích thư viện (m ²)	195	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)		
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	35	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	336	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	129	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	38,5	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)		
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	65	

VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	50/50	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	50	
1.1	Khối lớp 1	09 bộ	1bộ/ 1 lớp
1.2	Khối lớp 2	09 bộ	1bộ/ 1 lớp
1.3	Khối lớp 3	10 bộ	1bộ/ 1 lớp
1.4	Khối lớp 4	11 bộ	1bộ/ 1 lớp
1.5	Khối lớp 5	11 bộ	1bộ/ 1 lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	/	
2.2	Khối lớp 2	/	
2.3	Khối lớp 3	/	
2.4	Khối lớp 4	/	
2.5	Khối lớp 5	/	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	100 bộ	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	41	
2	Cát xét	6	
3	Đầu Video/đầu đĩa	4	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	35	
5	Thiết bị khác...		
6			

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	111
XI	Nhà ăn	/

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	/	/	/
XIII	Khu nội trú	/	/	/

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	7		16		276,4 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	/				

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		x
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Quận 5, ngày 01 tháng 7 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Trương Diệu Thừa

Biểu mẫu 08

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5

TRƯỜNG TIỂU HỌC MINH ĐẠO

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học, năm học 2022 – 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	137		9	53	5	1	59	14	17	37	62	2		
I	Giáo viên	65		6	50	5	1		14	17	37	62	2		
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:														
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	9			8	1					3	3			
3	Tin học	1			1						1	1			
4	Âm nhạc	2				1	1		1	1		2			
5	Mỹ thuật	2				2									
6	Thể dục	3			3				1		2	3			
II	Cán bộ quản lý	3		3							3	3			
1	Hiệu trưởng	1		1							1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2		2							2	2			
III	Nhân viên	63			3		5	55							

1	Nhân viên văn thư	1						1							
2	Nhân viên kế toán	1			1				1						
3	Thủ quỹ	1					1		1						
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	1					1		1						
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên công nghệ thông tin														
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
9	Nhân viên khác	58			2		3		53						

Quận 5, ngày 01 tháng 7 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Trương Diệu Thừa